

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 từ trang 06 đến trang 44.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban
Ông Trần Công Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Ngọc.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Đức Thành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty là Công ty mẹ của Công ty con được trình bày tại thuyết minh số 15 và Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Số: 030 /2020/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 06 năm 2020, trình bày từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 3.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.678.533.159	38.274.783.240
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.367.601.280	4.206.996.272
Tiền	111		5.367.601.280	4.206.996.272
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15	790.400.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121	15	898.593.600	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(108.193.600)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.599.229.866	30.053.811.095
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.086.647.689	7.576.266.522
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	764.433.226	950.797.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	36.748.148.951	21.541.822.573
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	-	(15.075.000)
Hàng tồn kho	140	9	1.758.157.279	1.263.747.520
Hàng tồn kho	141		1.758.157.279	1.263.747.520
Tài sản ngắn hạn khác	150		163.144.734	2.750.228.353
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	135.293.940	643.950.138
Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.850.794	2.106.278.215
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.032.460.401	114.246.860.177
Các khoản phải thu dài hạn	210		718.250.000	506.250.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	718.250.000	506.250.000
Tài sản cố định	220		9.107.911.064	9.331.219.724
Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.260.312.500	6.423.625.000
- Nguyên giá	222		6.532.500.000	6.532.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(272.187.500)	(108.875.000)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.847.598.564	2.907.594.724
- Nguyên giá	228		2.999.808.000	2.999.808.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.209.436)	(92.213.276)
Bất động sản đầu tư	230	13	41.284.583.340	41.839.833.336
- Nguyên giá	231		42.210.000.000	42.210.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(925.416.660)	(370.166.664)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.224.211	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6.224.211	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	41.157.160.000	38.488.880.000
Đầu tư vào công ty con	251		18.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.157.160.000	20.488.880.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.758.331.786	24.080.677.117
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.758.331.786	24.080.677.117
TỔNG TÀI SẢN	270		150.710.993.560	152.521.643.417

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		23.440.455.542	28.850.765.267
Nợ ngắn hạn	310		4.953.715.542	8.023.685.267
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	475.959.439	540.886.311
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	95.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.658.193.747	708.231.556
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		24.729.547	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		21.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	59.592.809	56.138.600
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	2.714.240.000	6.623.428.800
Nợ dài hạn	330		18.486.740.000	20.827.080.000
Phải trả dài hạn khác	337	18	450.900.000	77.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	18.035.840.000	20.750.080.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.270.538.018	123.670.878.150
Vốn chủ sở hữu	410	20	127.270.538.018	123.670.878.150
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.270.538.018	3.670.878.150
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.670.878.150	1.464.954.226
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.599.659.868	2.205.923.924
TỔNG NGUỒN VỐN	440		150.710.993.560	152.521.643.417

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập



Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	63.242.163.171	15.955.391.921
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.242.163.171	15.955.391.921
Giá vốn hàng bán	11	23	50.950.151.747	4.657.265.688
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.292.011.424	11.298.126.233
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.175.898.402	24.903.824
Chi phí tài chính	22	25	2.891.392.495	1.311.646.987
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.592.973.128	1.284.326.471
Chi phí bán hàng	25	26	2.667.472.020	2.524.451.641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	5.881.600.991	4.882.715.416
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.027.444.320	2.604.216.013
Thu nhập khác	31	27	238.292.167	309.880.000
Chi phí khác	32	28	609.278.237	131.853.818
Lợi nhuận khác	40		(370.986.070)	178.026.182
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.656.458.250	2.782.242.195
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.056.798.382	576.318.271
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.599.659.868	2.205.923.924

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.656.458.250	2.782.242.195
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	778.558.656	539.037.824
Các khoản dự phòng	03	93.118.600	15.075.000
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.175.898.402)	(7.170.703)
Chi phí lãi vay	06	2.783.198.895	1.284.326.471
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.135.435.999	4.613.510.787
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.306.083.650	24.031.555.358
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(494.409.759)	(559.792.571)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	707.909.417	289.402.508
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	16.831.001.529	196.063.820
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	(898.593.600)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.758.469.348)	(1.284.326.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(576.318.271)	(336.685.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.252.639.617	26.949.727.958
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.224.211)	(42.242.500.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.126.780.000)	(20.488.880.000)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.660.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.398.402	7.170.703
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.468.605.809)	(62.724.209.297)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.030.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	33.534.526.038	32.366.549.675
Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.157.954.838)	(4.993.040.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.623.428.800)	37.403.508.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.160.605.008	1.629.027.461
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	4.206.996.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	5.367.601.280
			4.206.996.272

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại: kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và kinh doanh bất động sản.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 công ty con, không có công ty liên kết liên doanh.

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	394/1 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp.HCM	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ cây nấm	60%	60%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh)	13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Madagui)	Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Bình Châu)	Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Hà Nội)	41 Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh An Giang)	241 Trưng Nữ Vương nối dài, Phường Châu Phú B, Huyện Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Buôn bán thực phẩm chức năng

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư góp vốn khác khi Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)**

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	40

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao 50 năm theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

4.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong quá trình cho thuê hoạt động phải tiến hành trích khấu hao bất động sản đầu tư và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty thực hiện trích khấu hao theo tài sản cố định hữu hình cùng loại.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí quảng cáo, thiết kế, xét nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, phí dịch vụ in ấn, chi phí phần mềm máy tính, chi phí cam kết ủng hộ quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê 45 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, phân bổ theo thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053. Trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 30 sạp cho bên thứ ba, do đó, chi phí chờ phân bổ tại ngày 31/12/2019 là chi phí thuê của 15 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức và tiếp tục được phân bổ theo thời gian như trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.14 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ. Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: kinh doanh hàng hóa và cho thuê sạp, mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Linh Chi Vi Na, Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	27.652.300	6.495.000
Tiền gửi ngân hàng	4.505.948.980	4.200.501.272
Tiền đang chuyển	834.000.000	-
Cộng	5.367.601.280	4.206.996.272

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.086.647.689	-	7.576.266.522	-
- Bà Lâm Thị Bích Trâm	1.376.876.388	-	2.627.002.298	-
- Ông Đào Quốc Việt	1.321.559.500	-	2.776.500.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	1.775.426.800	-	1.319.800.000	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	26.858.700	-	272.218.500	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	-	-	326.659.524	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	54.946.500	-	41.850.000	-
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	-	-	26.640.000	-
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	530.979.801	-	185.596.200	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	81.805.200	-	667.368.024	-

(Xem chi tiết tại mục số 32.5)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	764.433.226	-	950.797.000	(15.075.000)
- Công ty Xây dựng Ngân Tháp	700.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty TNHH Quảng cáo Hoàng Hà	-	-	179.547.000	-
- Công ty TNHH Diamond Bone	-	-	165.000.000	-
- Công ty TNHH Hanacos Vietnam	-	-	50.250.000	(15.075.000)
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	64.433.226	-	56.000.000	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	36.748.148.951	-	21.541.822.573	-
- Ginseng And Herb Co-op	766.262.488	-	1.285.404.787	-
- Ông Nguyễn Minh Cường	-	-	1.080.000.000	-
- Ông Lê Đình Phong (1)	-	-	19.000.000.000	-
- Ông Phạm Văn Sơn (2)	19.450.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Đăng Kiều Đông (3)	15.970.000.000	-	-	-
- Tạm ứng	380.997.574	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	3.469.125	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	33.000.000	-
- Phải thu thuế TNCN	-	-	43.115.949	-
- Phải thu khác	180.888.889	-	96.832.712	-
Dài hạn	718.250.000	-	506.250.000	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	718.250.000	-	506.250.000	-
Cộng	37.466.398.951	-	22.048.072.573	-

(1) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 06/2018/TDX/BBH-HĐQT ngày 28/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thông qua chủ trương tiếp tục đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long nhằm nâng tỷ lệ sở hữu, và giao cho Ông Lê Đình Phong để thực hiện việc thu mua, thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty. Năm 2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

(2) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 34B/2019/TDX/BBH-HĐQT ngày 01/11/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh đã thông qua chủ trương thực hiện nhận chuyển nhượng dự án nông nghiệp Công nghệ Cao Cù Chi của Công ty CP Vườn Mơ và giao cho Ông Đặng Đức Thành - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đứng ra thực hiện. Đồng thời, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 35/2019/TDX/BBH-HĐQT ngày 5/11/2019 và Quyết định số 36/2019/TDX/QĐ-HĐQT ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã giao lại cho Ông Phạm Văn Sơn đứng ra tạm ứng vốn và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng dự án, với thời gian hoàn thành là 09 tháng kể từ ngày 5/11/2019, Ông Đặng Đức Thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm và bảo lãnh hoàn toàn tạm ứng cho Ông Phạm Văn Sơn. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nguyên tắc số 41/2019/HĐCNPNT ngày 02/11/2019 với tổng giá trị 30.000.000.000 đồng, hợp đồng này Công ty đã ký với Ông Phan Tấn Dũng để thu gom 100% cổ phần Công ty CP Vườn Mơ, tương ứng với 3.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯƠNG XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(3) Đây là số dư phải thu liên quan đến Hợp đồng mua bán cổ phiếu số 40/HĐMBCP-2019 ngày 02/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dương Xanh với Bà Nguyễn Đăng Kiều Đông về việc Công ty chuyển nhượng 1.350.000 cổ phiếu Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long, đơn giá chuyển nhượng là 13.800 đồng với tổng giá trị chuyển nhượng là 18.630.000.000 đồng. Trong năm 2020, Công ty đã thu toàn bộ số dư công nợ phải thu này.

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	497.550.000	-	-	-
Công cụ dụng cụ	32.036.203	-	-	-
Hàng hoá	1.099.645.307	-	610.426.462	-
Hàng gửi đi bán	128.925.769	-	653.321.058	-
Cộng	1.758.157.279	-	1.263.747.520	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	135.293.940	643.950.138
- Chi phí công cụ, dụng cụ	3.665.607	114.155.612
- Phí bảo hiểm hỏa hoạn	22.539.772	101.755.302
- Chi phí quảng cáo, quay phim	8.018.941	178.689.872
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	101.069.620	249.349.352
Dài hạn	7.758.331.786	24.080.677.117
- Chi phí thuế sạp chợ (*)	7.492.030.178	23.580.862.831
- Chi phí ủng hộ quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ	88.666.674	164.666.670
- Chi phí công cụ dụng cụ	71.389.281	108.719.389
- Chi phí quảng cáo, quay phim	30.303.033	84.174.027
- Chi phí trả trước dài hạn khác	75.942.620	142.254.200
Cộng	7.893.625.726	24.724.627.255

(*) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc Công ty ký hợp đồng với Công ty CP Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vựa có tổng diện tích là 488,30 m² tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053. Trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 30 quyền thuê ô vựa với tổng diện tích 303 m². Tại thời điểm 31/12/2019, số dư chi phí trả trước tương ứng với 15 ô vựa với tổng diện tích là 185,30 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2019	6.532.500.000	6.532.500.000
- Mua trong năm	-	-
Tại 31/12/2019	<u>6.532.500.000</u>	<u>6.532.500.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2019	(108.875.000)	(108.875.000)
- Khấu hao trong năm	(163.312.500)	(163.312.500)
Tại 31/12/2019	<u>(272.187.500)</u>	<u>(272.187.500)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2019	<u>6.423.625.000</u>	<u>6.423.625.000</u>
Tại 31/12/2019	<u>6.260.312.500</u>	<u>6.260.312.500</u>

Tài sản cố định hữu hình là Shop House T1.09 và T1.10 Lô AB Chung cư Aview thuộc Khu dân cư 13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh Công ty nhận chuyển nhượng từ Bà Lâm Thị Diệu Hương và Ông Đặng Đức Thành.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 6.260.312.500 đồng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2019	2.999.808.000	2.999.808.000
Tại 31/12/2019	<u>2.999.808.000</u>	<u>2.999.808.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2019	(92.213.276)	(92.213.276)
- Khấu hao trong năm	(59.996.160)	(59.996.160)
Tại 31/12/2019	<u>(152.209.436)</u>	<u>(152.209.436)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2019	<u>2.907.594.724</u>	<u>2.907.594.724</u>
Tại 31/12/2019	<u>2.847.598.564</u>	<u>2.847.598.564</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần, thửa đất số 653 tờ bản đồ số 5 diện tích đất là 9.374,4 m² tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 19/06/2067.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.847.598.564 đồng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Tại 01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	42.210.000.000	-	-	42.210.000.000
- Quyền sử dụng đất	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	22.210.000.000	-	-	22.210.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	(370.166.664)	(555.249.996)	-	(925.416.660)
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	(370.166.664)	(555.249.996)	-	(925.416.660)
Giá trị còn lại	41.839.833.336	(555.249.996)	-	41.284.583.340
- Quyền sử dụng đất	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	21.839.833.336	(555.249.996)	-	21.284.583.340

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9, diện tích đất là 5.510,1 m² tại Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng với hình thức sử dụng đất chung, thời hạn sử dụng đất là lâu dài và tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bà Thạc Gián tại số 72 Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng với diện tích sàn là 1664,1 m². Công ty mua những tài sản này với mục đích cho thuê.

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 41.284.583.340 đồng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng tại Bến Tre	6.224.211	-
Cộng	6.224.211	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DUYỆC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-
Tổng giá trị cổ phiếu	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (*)	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-
Cộng	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-

Tại 31/12/2019, Công ty đang nắm giữ 38.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, chiếm tỷ lệ sở hữu 0,0016%.

Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội là 20.800 đồng/Cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư tài chính dài hạn	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.157.160.000	-	40.415.658.696	38.488.880.000	38.171.290.675
Đầu tư vào công ty con	18.000.000.000	-	18.285.733.339	18.000.000.000	18.177.047.924
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vina (*)	18.000.000.000	-	18.285.733.339	18.000.000.000	18.177.047.924
Đầu tư vào đơn vị khác	23.157.160.000	-	22.129.925.357	20.488.880.000	19.994.242.751
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long (**)	23.157.160.000	-	22.129.925.357	20.488.880.000	19.994.242.751

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Linh Chi Vi Na với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 60% tương ứng với 1.800.000 cổ phần phổ thông. Giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Linh Chi Vi Na đã được kiểm toán.

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 19,65% tương ứng với 2.161.980 cổ phần phổ thông. Giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long chưa được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH
 Lô A1V-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	475.959.439	475.959.439	540.886.311	540.886.311
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	384.519.000	384.519.000	334.020.000	334.020.000
- Báo Sài Gòn Giải phóng	19.995.000	19.995.000	72.545.000	72.545.000
- Công ty TNHH Ngọc Tháp Cầu	-	-	55.000.000	55.000.000
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	71.445.439	71.445.439	79.321.311	79.321.311
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	384.519.000	384.519.000	334.020.000	334.020.000
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	384.519.000	384.519.000	334.020.000	334.020.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2019		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Tại 31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	84.877.278	84.877.278	583.572.426	157.863.300	141.779.210	141.779.210	510.586.404	510.586.404
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-	141.779.210	141.779.210	-	-	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	16.500.000	16.500.000	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	576.318.271	576.318.271	1.056.798.382	576.318.271	576.318.271	1.056.798.382	1.056.798.382	1.056.798.382
- Thuế thu nhập cá nhân	47.036.007	47.036.007	218.637.886	174.864.932	174.864.932	90.808.961	90.808.961	90.808.961
Cộng	708.231.556	708.231.556	2.017.287.904	1.067.325.713	1.067.325.713	1.067.325.713	1.658.193.747	1.658.193.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	59.592.809	56.138.600
- Bảo hiểm xã hội	201.809	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.391.000	1.138.600
Dài hạn	450.900.000	77.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	450.900.000	77.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2019		Trong năm		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	Vay, nợ thuế tài chính ngắn hạn	2.714.240.000	2.714.240.000	36.248.766.038	40.157.954.838	6.623.428.800
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (*)	-	-	33.534.526.038	37.443.714.838	3.909.188.800	3.909.188.800
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000
Vay, nợ thuế tài chính dài hạn	18.035.840.000	18.035.840.000	-	2.714.240.000	20.750.080.000	20.750.080.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	18.035.840.000	18.035.840.000	-	2.714.240.000	20.750.080.000	20.750.080.000
Cộng	20.750.080.000	20.750.080.000	36.248.766.038	42.872.194.838	27.373.508.800	27.373.508.800

(*) Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 391B18 ngày 30/10/2018, đã tắt toán trong năm 2019. Chi tiết như sau:

- Tổng hạn mức cho vay: 12.000.000.000 đồng;

- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;

- Thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

- Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

- Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua được phẩm, vật tư y tế và các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ khác phục vụ hoạt động kinh doanh;

- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;

+ Hợp đồng thế chấp số 376/NHNT-KH/TC/18 ngày 30/10/2018: tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ 45 Hợp đồng thuê dài hạn địa điểm kinh doanh ở vừa trong nhà lồng Chợ A thuộc Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Thủ Đức, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh và Công ty Cổ phần Quận lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức ngày 01/08/2017;

+ Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 ngày 28/03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- + Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;
- + Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

(**) Bao gồm hai hợp đồng cho vay theo hạn mức sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 070C18 tháng 03/2018:

- Tổng số tiền cho vay tối đa: 5.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;
- Phương thức cho vay: từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua căn hộ 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng và cửa hàng công ty;
- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong vòng 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây từng thời kỳ;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng số 111/NHNT-KH/TC/18 tháng 03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;
 - + Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 158C18 tháng 06/2018:

- Tổng số tiền cho vay tối đa: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Phương thức cho vay: từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng tầng 2 - khu chung cư thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng theo hợp đồng mua bán chung cư thương mại công chứng số 1579 ngày 11/04/2018 giữa bà Nguyễn Hồng Thủy và Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh;
- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong vòng 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây theo từng thời kỳ;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
 - + Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 tháng 03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

+ Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;

+ Ngoài ra, nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**20.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Đặng Đức Thành	26,61%	31.930.000.000	26,61%	31.930.000.000
Bà Lâm Thị Diệu Hương	4,36%	5.230.000.000	6,28%	7.530.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến	4,68%	5.610.000.000	4,68%	5.610.000.000
Ông Cổ Đức Trọng	4,42%	5.300.000.000	4,42%	5.300.000.000
Bà Phan Thị Nhiều	4,00%	4.800.000.000	4,00%	4.800.000.000
Bà Đặng Bích Hồng	3,42%	4.100.000.000	3,42%	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	30,00%	36.000.000.000	30,00%	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	4,17%	5.000.000.000	4,17%	5.000.000.000,00
Các cổ đông khác	18,34%	22.030.000.000	16,42%	19.730.000.000
Cộng	100%	120.000.000.000	100%	120.000.000.000

20.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2018	109.970.000.000	1.464.954.226	111.434.954.226
- Tăng vốn trong năm (*)	10.030.000.000	-	10.030.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	2.205.923.924	2.205.923.924
Tại 31/12/2018	120.000.000.000	3.670.878.150	123.670.878.150
Tại 01/01/2019	120.000.000.000	3.670.878.150	123.670.878.150
- Lợi nhuận trong năm	-	3.599.659.868	3.599.659.868
Tại 31/12/2019	120.000.000.000	7.270.538.018	127.270.538.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 09/BBH/ĐHĐCĐ-2017 ngày 31/12/2017 về việc tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 9.500.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng và Nghị quyết số 55/2018/TDX/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị về việc thay đổi đối tượng và kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 đồng.

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	109.970.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	10.030.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2019 Cổ phiếu	Tại 01/01/2019 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	6.790.005	293,11	15.058.098	647,38

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	63.242.163.171	15.955.391.921
- Doanh thu bán hàng hóa	38.469.224.480	10.843.370.188
- Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	20.280.745.455	-
- Doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng	4.492.193.236	5.112.021.733
Doanh thu với các bên liên quan (Xem chi tiết tại mục số 32.5)	19.604.043.074	4.256.286.702

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	33.580.073.482	3.603.595.752
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	15.481.972.809	-
Giá vốn cho thuê sạp, mặt bằng	1.888.105.456	1.053.669.936
Cộng	50.950.151.747	4.657.265.688

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	4.398.402	7.170.703
Lãi chuyển nhượng cổ phần	4.171.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	17.733.121
Cộng	4.175.898.402	24.903.824

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	2.592.973.128	1.284.326.471
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	108.193.600	-
Lỗ do bán cổ phiếu	190.225.767	-
Chi phí tài chính khác	-	27.320.516
Cộng	2.891.392.495	1.311.646.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.881.600.991	4.882.715.416
- Chi phí nhân viên quản lý	3.968.897.436	3.647.245.584
- Chi phí đồ dùng văn phòng	100.253.870	99.037.321
- Chi phí khấu hao TSCĐ	163.312.500	108.875.000
- Thuế, phí và lệ phí	26.769.625	16.201.111
- Chi phí dự phòng	(15.075.000)	15.075.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.950.381	63.914.909
- Chi phí bằng tiền khác	1.357.492.179	932.366.491
Chi phí bán hàng	2.667.472.020	2.524.451.641
- Chi phí nhân viên bán hàng	-	149.986.333
- Chi phí vật liệu, bao bì	132.535.600	5.156.250
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.512.660	121.257.878
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.366.496	6.417.014
- Chi phí bằng tiền khác	2.457.057.264	2.241.634.166

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hàng mẫu, hàng quà tặng từ hội thảo	43.240.000	69.880.000
Tiền tài trợ hội thảo	195.000.000	40.000.000
Thu nhập từ thanh lý thỏa thuận giữ chỗ căn 01.05 và 01.06 DA D-VELA	-	200.000.000
Thu nhập khác	52.167	-
Cộng	238.292.167	309.880.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phân bổ chi phí nguyên vật liệu	99.333.324	-
Chi Quỹ CLB Doanh nghiệp Bến Tre - Hồ Chí Minh	100.011.000	-
Chi Quỹ Tấm lòng vàng Bến Tre	50.000.000	-
Chi cộng tác xây dựng thương hiệu Green+	190.966.500	-
Khấu hao TSCĐ	59.996.160	-
Chi phí ủng hộ quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ	-	63.333.330
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất (tài sản chưa dùng)	-	59.996.160
Phạt vi phạm hành chính	1.949.387	900.528
Chi hộ phí kiểm nghiệm tòi đen	-	6.073.800
Các khoản chi phí khác	107.021.866	1.550.000
Cộng	609.278.237	131.853.818

29. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	3.968.897.436	3.797.231.917
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	395.635.454	3.608.752.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	778.558.656	539.037.824
Thuế, phí và lệ phí	34.203.765	-
Chi phí dự phòng	(15.075.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.101.711.006	974.130.394
Chi phí bằng tiền khác	3.814.549.443	3.174.000.657
Cộng	26.078.480.760	12.093.152.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.656.458.250	2.782.242.195
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	627.533.658	99.349.158
Các khoản điều chỉnh tăng	627.533.658	99.349.158
- Chi phí không được trừ	625.584.271	98.448.630
- Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	1.949.387	900.528
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.283.991.908	2.881.591.353
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.056.798.382	576.318.272
Cộng thuế TNDN hiện hành	1.056.798.382	576.318.272

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: bán hàng hóa và cho thuê sạp, mặt bằng. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu. Công ty hoạt động trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỠC XANH
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2019

	Bán hàng hóa		Cho thuê sạp mặt bằng		Nhượng quyền thuê sạp		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.469.224.480	4.492.193.236	20.280.745.455	63.242.163.171			
Giá vốn bộ phận	(33.580.073.482)	(1.888.105.456)	(15.481.972.809)	(50.950.151.747)			
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.889.150.998	2.604.087.780	4.798.772.646	12.292.011.424			
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.549.073.011)			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.742.938.413			
Doanh thu hoạt động tài chính				4.175.898.402			
Chi phí tài chính				(2.891.392.495)			
Thu nhập khác				238.292.167			
Chi phí khác				(609.278.237)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.056.798.382)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.599.659.868			
Tổng Tài sản				150.710.993.560			
Tổng Nợ phải trả				23.440.455.542			

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Năm 2018

	Bán hàng hóa		Cho thuê sạp mặt bằng		Nhượng quyền thuê sạp		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.843.370.188	5.112.021.733	-	-	15.955.391.921		
Giá vốn bộ phận	(3.603.595.752)	(1.053.669.936)	-	-	(4.657.265.688)		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.239.774.436	4.058.351.797	-	-	11.298.126.233		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.407.167.057)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					3.890.959.176		
Doanh thu hoạt động tài chính					24.903.824		
Chi phí tài chính					(1.311.646.987)		
Thu nhập khác					309.880.000		
Chi phí khác					(131.853.818)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(576.318.271)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					2.205.923.924		
Tổng Tài sản					152.521.643.417		
Tổng Nợ phải trả					28.850.765.267		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

32.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vừa có tổng diện tích 488,30 m² tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053. Trong năm 2019 Công ty đã chuyển nhượng 30 quyền thuê ô vừa với tổng diện tích 303 m². Tại thời điểm 31/12/2019, số dư chi phí trả trước tương ứng với 15 ô vừa với tổng diện tích là 185,30 m².

32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

32.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

32.5 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	Công ty nhận đầu tư
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vi Na	Công ty con
- Ông Đặng Đức Thành	Cổ đông Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	Cổ đông Thành viên HĐQT
- Ông Lê Đình Phong	Cổ đông
- Ông Phạm Văn Sơn	Giao dịch lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.5 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu và thu nhập khác với bên liên quan	19.604.043.074	4.256.286.702
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	19.487.694.546	3.329.485.608
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	-	830.830.004
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	112.252.528	71.752.908
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	4.096.000	24.218.182
Mua TSCĐ, hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan	980.723.091	7.404.298.727
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	627.436.727	316.503.727
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	353.286.364	587.795.000
- Ông Đặng Đức Thành	-	3.700.000.000
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	-	2.800.000.000
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng	81.805.200	667.368.024
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	26.858.700	272.218.500
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt	-	326.659.524
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	54.946.500	41.850.000
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	-	26.640.000
Phải trả người bán	384.519.000	334.020.000
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	384.519.000	334.020.000
Phải thu khác	19.450.000.000	19.000.000.000
- Ông Lê Đình Phong	-	19.000.000.000
- Ông Phạm Văn Sơn	19.450.000.000	-
<u>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</u>	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	900.000.000	630.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

